

Cần Giờ, ngày 06 tháng 7 năm 2020

Số: 951/GDĐT

Về lập kế hoạch tiêu hủy hóa chất
hết hạn sử dụng, hóa chất đã qua sử
dụng năm học 2019 – 2020 trong
các trường trung học cơ sở.

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường trung học cơ sở,

Căn cứ công văn số 1948/GDĐT-CTTT ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Tăng cường công tác bảo đảm trật tự, an toàn trường học, ATGT, PCCC và phòng chống tai nạn đuối nước cho HSSV trong dịp hè và kỳ thi tuyển sinh 10, tốt nghiệp THPT năm 2020;

Tiếp tục thực hiện công văn số 2814/GDĐT-CTTT của Sở Giáo dục và Đào tạo ngày 14 tháng 8 năm 2019 về quản lý, thu gom, tiêu hủy hóa chất hết hạn sử dụng đảm bảo an toàn vệ sinh lao động trong các cơ sở giáo dục;

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị các trường trung học cơ sở lập kế hoạch tiêu hủy hóa chất hết hạn sử dụng, hóa chất đã qua sử dụng năm học 2019 – 2020 (theo mẫu đính kèm) và gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo qua email: pdphuong.sgddt@tphcm.gov.vn. Hạn cuối: 09/7/2020.

Đề nghị Hiệu trưởng các trường trung học cơ sở tổ chức thực hiện đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo P.GD&ĐT;
- Phụ trách (Bà Phụng);
- Lưu: VP

TRƯỞNG PHÒNG



Võ Thị Diễm Phụng

Phòng Giáo dục và Đào tạo

Trường THCS:.....

Địa chỉ:.....

**BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ TIÊU HỦY HÓA CHẤT HÌNH THÀNH
SAU THÍ NGHIỆM KHỐI THCS**

Nguồn tham khảo căn cứ theo Công ty Hóa chất tinh khiết và Dụng cụ Thiết bị
phòng thí nghiệm

STT	TÊN BÀI SGK	ĐƠN GIÁ (tính theo 100g,ml) Tham khảo	Số lượng	Thành tiền
	LỚP 8			
	TÊN BÀI SGK			
1	BÀI 1 - SGK: MỞ ĐẦU MÔN HÓA HỌC	17,000		-
2	BÀI 2 - SGK: CHẤT	13,000		-
3	BÀI 12 - SGK: SỰ BIẾN ĐỔI CHẤT	17,000		-
4	BÀI 15 - SGK: ĐỊNH LUẬT BẢO TOÀN KHỐI LƯỢNG	15,000		-
5	BÀI 24 - SGK : TÍNH CHẤT CỦA OXY	24,000		-
6	BÀI 27 - SGK : ĐIỀU CHẾ OXY - PHẢN ỨNG PHÂN HỬ	21,000		-
7	BÀI 28 - SGK: KHÔNG KHÍ - SỰ CHÁY	31,000		-
8	BÀI 31 - SGK : TÍNH CHẤT - ỨNG DỤNG CỦA HYDRO	29,000		-
9	BÀI 33 - SGK: ĐIỀU CHẾ HYDRO PHẢN ỨNG THẾ	28,000		-
10	BÀI 36 - SGK: NƯỚC	33,000		-
11	BÀI 40 - SGK : DUNG DỊCH	24,000		-
12	BÀI 41 - SGK: ĐỘ TAN CỦA MỘT CHẤT TRONG NƯỚC	14,000		-
	TÊN BÀI SGK	-		-
	BÀI THỰC HÀNH SỐ 1	-		-
1	BÀI 3 - SGK: TÍNH CHẤT NÓNG CHÁY CỦA CHẤT - TÁCH CHẤT TỪ HỖN HỢP	15,000		-
	BÀI THỰC HÀNH SỐ 2	-		-
2	BÀI 7 - SGK : SỰ LAN TỎA CỦA CHẤT	21,000		-
	BÀI THỰC HÀNH SỐ 3	-		-
3	BÀI 14 - SGK: DẤU HIỆU CỦA HIỆN TƯỢNG VÀ PHẢN ỨNG HÓA HỌC	17,000		-
	BÀI THỰC HÀNH SỐ 4	-		-
4	BÀI 30 - SGK: ĐIỀU CHẾ - THU KHÍ OXY VÀ THỬ TÍNH CHẤT CỦA OXY	23,000		-
	BÀI THỰC HÀNH SỐ 5	-		-
5	BÀI 35 - SGK: ĐIỀU CHẾ - THU KHÍ HYDRO VÀ THỬ TÍNH CHẤT CỦA KHÍ HYDRO	35,000		-
6	BÀI THỰC HÀNH SỐ 6	-		-

7	BÀI 39 - SGK : TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA NƯỚC	28,000		-
7	BÀI THỰC HÀNH SỐ 7	-		-
	BÀI 45 - SGK: PHA CHẾ DUNG DỊCH THEO NỒNG ĐỘ	14,000		-
	LỚP 9			-
	TÊN BÀI SGK			
1	BÀI 1 - SGK: TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA OXIT	26,000		-
2	BÀI 2 - SGK: MỘT SỐ OXIT QUAN TRỌNG	19,000		-
3	BÀI 3 - SGK: TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA AXIT	23,000		-
4	BÀI 4 - SGK: MỘT SỐ AXIT QUAN TRỌNG	25,000		-
5	BÀI 7 - SGK: TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA BAZƠ	18,000		-
6	BÀI 8 - SGK: MỘT SỐ BAZƠ QUAN TRỌNG	15,000		-
7	BÀI 9 - SGK: TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA MUỐI	42,000		-
8	BÀI 10 - SGK: MỘT SỐ MUỐI QUAN TRỌNG	15,000		-
9	BÀI 16 - SGK: TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA KIM LOẠI	30,000		-
10	BÀI 17 - SGK: DẠY HOẠT ĐỘNG HÓA HỌC CỦA KIM LOẠI	51,000		-
11	BÀI 18 - SGK: NHÔM	22,000		-
12	BÀI 19 - SGK: SẮT	19,000		-
13	BÀI 25 - SGK: TÍNH CHẤT CỦA PHI KIM LOẠI	24,000		-
14	BÀI 26 - SGK: CLO	24,000		-
15	BÀI 27 - SGK: CACBON	26,000		-
16	BÀI 29 - SGK: AXIT CACBONIC VÀ MUỐI CACBONAT	17,000		-
17	BÀI 34 - SGK: KHÁI NIỆM VỀ HỢP CHẤT HỮU CƠ VÀ HÓA HỌC HỮU CƠ	24,000		-
18	BÀI 36 - SGK: METAN	18,000		-
19	BÀI 37 - SGK: ETYLEN	31,000		-
20	BÀI 38 - SGK: AXETYLEN	25,000		-
21	BÀI 39 - SGK: BENZEN	23,000		-
22	BÀI 44 - SGK: RƯỢU ETYLIC	44,000		-
23	BÀI 45 - SGK: AXIT AXETIC	24,000		-
24	BÀI 50 - SGK: GLUCO	51,000		-
25	BÀI 51 - SGK: SACCAROZO	59,000		-
26	BÀI 52 - SGK: TINH BỘT - XENLULOZO	83,000		-
	TÊN BÀI SGK	-		-
1	BÀI THỰC HÀNH SỐ 1	-		-
	BÀI 6 - SGK : TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA OXIT, AXIT	23,000		-
2	BÀI THỰC HÀNH SỐ 2	-		-
	BÀI 14 - SGK: TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA BAZƠ VÀ MUỐI	21,000		-
3	BÀI THỰC HÀNH SỐ 3	-		-
	BÀI 23 - SGK : TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA NHÔM VÀ SẮT	19,000		-
4	BÀI THỰC HÀNH SỐ 4	-		-
	BÀI 33 - SGK: TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA PHI KIM LOẠI VÀ HỢP CHẤT CỦA CHÚNG	20,000		-

5	BÀI THỰC HÀNH SỐ 5	-		-
	BÀI 43 - SGK: TÍNH CHẤT CỦA HYDROCACBON	29,000		-
6	BÀI THỰC HÀNH SỐ 6	-		-
	BÀI 49 - SGK: TÍNH CHẤT CỦA RƯỢU VÀ AXIT	25,000		-
7	BÀI THỰC HÀNH SỐ 7	-		-
	BÀI 55 - SGK: TÍNH CHẤT CỦA GLUXIT	44,000		-
	TỔNG			-

Phòng Giáo dục và Đào tạo

Trường THCS:.....

Địa chỉ:.....

**BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ TIÊU HỦY HÓA CHẤT HẾT HẠN SỬ DỤNG
KHỎI THCS**

TT	TÊN HÀNG	CÔNG THỨC HÓA HỌC	ĐV ĐO	ĐƠN GIÁ (Tham khảo)	TRƯỜNG THCS...	
					SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN
1	Carmin Acetic (500ml/chai)		Lít	660,000		-
2	Clorophooc - 500ml		Lít	260,000		-
3	Cồn etylic		Lít	22,000		-
4	Dung dịch iốt		Lít	132,000		-
5	Formol (500ml)		Lít	27,000		-
6	Parafin ống -500ml		Lít	132,000		-
7	Tanin		Lít	350,000		-
8	Xanh Metylen		Lít	130,000		-
9	Amoni hydroxid	NH ₄ OH	Lít	99,000		-
10	Axit clohydric 37%	HCl	Lít	90,000		-
11	Axit sunfuric 98%	H ₂ SO ₄	Lít	101,000		-
12	Canxi cacbonat bột	CaCO ₃	Kg	17,000		-
13	Cồn đốt 96Độ	C ₂ H ₅ OH	Lít	22,000		-
14	Đồng (II) oxid	CuO	Kg	55,000		-
15	Đồng phôi bào	Cu	Kg	110,000		-
16	Đồng sunfat	CuSO ₄	Kg	220,000		-
17	Giấy quì tím		Hoệp	15,000		-
18	Kali clorat	KClO ₃	Kg	385,000		-
19	Kali permanganat	KMnO ₄	Kg	330,000		-
20	Kẽm viên	Zn	Kg	110,000		-
21	Lưu huỳnh bột	S	Kg	22,000		-
22	Mangan dioxid	MnO ₂	Kg	605,000		-
23	Natri	Na	Kg	99,000		-
24	Natri cacbonat	Na ₂ CO ₃	Kg	66,000		-
25	Natri clorua	NaCl	Kg	9,000		-
26	Natri hidroxid	NaOH	Kg	33,000		-
27	Nhôm lá	Al	Kg	33,000		-
28	Nước cất	H ₂ O	Lít	6,000		-
29	Parafin rắn		Kg	74,000		-
30	Phenolphthalein		Lít	209,000		-
31	Phốt pho	P	Kg	176,000		-
32	Sắt bột	Fe	Kg	28,000		-
33	Axit Axetic	CH ₃ COOH	Lít	149,000		-
34	Bạc Nitrat	AgNO ₃	Kg	8,500,000		-
35	Bari Clorur	BaCl ₂	Kg	110,000		-

36	Benzen	C ₆ H ₆	Lít	418,000		-
37	Calci Cacbua	CaC ₂	Kg	99,000		-
38	Calci Carbonat	CaCO ₃	Kg	17,000		-
39	Calci Clorur	CaCl ₂	Kg	33,000		-
40	Calci Oxid	CaO	Kg	51,700		-
41	DD. Brôm	Br ₂	Kg	495,000		-
42	Đồng bột	Cu	Kg	110,000		-
43	Đồng dây	Cu	Kg	110,000		-
44	Giấy phenolphtalein		Hộp	22,000		-
45	Glucozo	C ₆ H ₁₂ O ₆	Kg	20,000		-
46	Kali Clorat	KClO ₃	Kg	385,000		-
47	Kali Nitrát	KNO ₃	Kg	132,000		-
48	Magie	Mg	Kg	330,000		-
49	Natri Acetat	CH ₃ COONa	Kg	132,000		-
50	Natri Hidrocarbonat	NaHCO ₃	Kg	77,000		-
51	Natri Sulfat	Na ₂ SO ₄	Kg	154,000		-
52	Nhôm bột	Al	Kg	33,000		-
53	Rượu etylic 96 độ	C ₂ H ₅ OH	Lít	22,000		-
54	Sắt (III) Clorur	FeCl ₃	Kg	209,000		-
TỔNG TIỀN						-